

Cải cách hành chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Quảng Trị

■ TRẦN HỮU ANH (*)

Thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn I (2001-2005) của Chính phủ, tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện CCHC trên các lĩnh vực về cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công, những nội dung chính đã tập trung thực hiện là:

1. Cải cách thể chế.

Đã ban hành các văn bản phân cấp, ủy quyền về đầu tư, xây dựng cơ bản, về cấp phát và quản lý ngân sách, về tài nguyên - môi trường, về tổ chức nhà nước... đã có tác động rất lớn trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp theo hướng gần dân, sát dân, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để triển khai thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn và đạt được một số kết quả: về giao thông vận tải; thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, cấp quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và các khoản thu thuế khác; về cấp giấy phép xây dựng; cấp phép đăng ký kinh doanh; nông nghiệp và phát triển nông thôn; tài nguyên - môi trường; giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo cơ chế "một cửa"; văn hoá - thông tin; tôn giáo; tổ chức nhà nước; ngoại vụ; thể dục, thể thao; xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân...

Tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" thực hiện Quyết định 181/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Đến nay toàn tỉnh đã có 8 sở, 9 huyện, thị xã (trong đó 4/4 cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và 9/10 huyện, thị xã bắt buộc đã triển khai thực hiện) và 82/139 xã, phường, thị trấn đã triển khai thực hiện theo cơ chế "một cửa".

Công tác rà soát và cải cách thủ tục hành

chính trong thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực so với trước đây. Các ngành, các cấp luôn luôn quan tâm đến công tác rà soát để giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà, phiền hà, không cần thiết, đồng thời rút ngắn được thời gian giải quyết công việc. Các khoản phí, lệ phí được công khai minh bạch để nhân dân biết và thực hiện. Tình trạng gây phiền hà, sách nhiễu giảm đáng kể, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, đã có tác động rất lớn đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước. Tinh thần trách nhiệm, ý thức, thái độ phục vụ và hiệu quả thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức được nâng lên, góp phần đáng kể đến việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 171/2004/NĐ-CP và 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện: cấp tỉnh sắp xếp lại 27 cơ quan, gồm 26 cơ quan giữ nguyên như trước đây và thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; cấp huyện sắp xếp lại mỗi đơn vị từ 12-14 phòng, ban; quyết định thành lập, kiện toàn, đổi tên các tổ chức hành chính sự nghiệp, ban chỉ đạo, ban quản lý dự án; đặc biệt trình Chính phủ thành lập huyện Cồn Cỏ (Nghị định số 174/2004/NĐ-CP), thành lập Ban quản lý khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo (Quyết định số 130/2005/QĐ-TTg), Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (Quyết định số 129/2005/QĐ-TTg) nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND các cấp đã được kiện toàn cả về tổ chức bộ máy, biên chế và quy chế tổ chức hoạt động. Việc phân công trách nhiệm giữa các thành viên UBND được cụ thể hoá bằng văn bản rõ ràng, phù hợp với năng lực, sở trường của từng thành viên UBND.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

(*) Chánh Văn phòng - Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Pháp lệnh Cán bộ, công chức (sửa đổi) các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức hành chính, viên chức sự nghiệp và cán bộ, công chức cấp xã công tác tuyển dụng công chức, viên chức đã có nhiều chuyển biến đáng kể. Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định biên chế, tuyển dụng, điều động và quản lý công chức, viên chức, xây dựng đề án thi tuyển, xét tuyển có nhiều đổi mới. Công tác thi tuyển, xét tuyển được thực hiện công khai, công bằng, dân chủ từ thông báo chiêu sinh, điều kiện thi tuyển, xét tuyển, các tiêu chí về tính điểm đến tổ chức thi tuyển, xét tuyển. Trong 5 năm đã tuyển dụng được 2.363 cán bộ, công chức, viên chức. Ban hành Đề án luân chuyển giáo viên vùng khó khăn, vùng núi về đồng bằng và đô thị; cải tiến thủ tục về điều động, chuyển chuyển giáo viên nhằm tránh việc gây phiền hà và tiêu cực trong điều động, chuyển chuyển.

Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2001-2005, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp mở được 198 lớp, với 25.382 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính, kinh tế thị trường, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tiêu chuẩn hoá. Hợp tác với Viện Đại học Ratt-tha-bắt (Thái Lan) đào tạo tiếng Thái cho 22 cán bộ, công chức, lao động. Đến nay 22 cán bộ, công chức đã tốt nghiệp trở về công tác tại cơ quan, đơn vị, phát huy được tác dụng trong giao dịch, quan hệ hợp tác với bạn. Năm 2004-2005, tỉnh đang tiếp tục hợp tác đào tạo tiếng Thái và chuyên môn, kỹ thuật hệ đại học cho 35 sinh viên tại các trường đại học vùng đông bắc Thái Lan.

Ban hành Đề án về một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng cán bộ (Đề án 4 chính sách) có tác dụng trên một số mặt. Cử 192 cán bộ tham gia các khoá đào tạo sau đại học theo Đề án 4 chính sách. Đến nay, toàn tỉnh có 6 tiến sĩ, 85 thạc sĩ, 42 chuyên khoa cấp I, 6 chuyên khoa cấp II.

4. Cải cách tài chính công.

UBND tỉnh đã giao quyền tự chủ về tài chính cho 47 đơn vị sự nghiệp: ngành giáo dục 28 đơn vị, ngành văn hoá 5 đơn vị, ngành kinh

tế 9 đơn vị, ngành y tế 3 đơn vị, trong đó có 2 đơn vị tự bảo đảm kinh phí thường xuyên, các đơn vị còn lại tự bảo đảm một phần kinh phí thường xuyên. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tài chính hàng năm được thực hiện thường xuyên, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong công tác quản lý tài chính của các ngành, các cấp làm cho công tác quản lý tài chính ngày càng lành mạnh và hiệu quả hơn. Qua thanh tra, kiểm tra tài chính ở một số đơn vị đã phát hiện và xử lý nghiêm minh một số cán bộ, công chức đã vi phạm về nguyên tắc quản lý tài chính, cố tình làm trái các quy định của nhà nước dẫn đến tham ô, lãng phí, làm thất thoát tài sản, kinh phí của ngân sách nhà nước.

5. Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Ban chỉ đạo CCHC tỉnh Quảng Trị từng bước được củng cố, kiện toàn, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp bám sát nội dung, chương trình, kế hoạch CCHC giai đoạn I (2001-2005) và hàng năm được UBND tỉnh ban hành để tổ chức thực hiện có hiệu quả trên các lĩnh vực đã được giao. Chính vì vậy, công tác CCHC trong thời gian qua đã đẩy mạnh và đạt được một số kết quả trên các lĩnh vực. Đặc biệt trong năm 2004 và 2005, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa".

UBND tỉnh, Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh đã bám sát nội dung, chương trình, kế hoạch tổng thể CCHC của Chính phủ giai đoạn (2001-2010) để chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành trong thực hiện CCHC. Các ngành, các cấp ngày càng quan tâm, chú trọng hơn, xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, đồng thời quá trình triển khai thực hiện đã bám sát được nội dung, chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh, nên chất lượng, hiệu quả công tác CCHC từng bước được nâng cao.

Một số nội dung chính về kế hoạch CCHC giai đoạn II (2006-2010).

Mục tiêu của giai đoạn II (2006-2010), tập trung thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực sau:

- Rà soát để bổ sung, sửa đổi và xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, bảo đảm thống nhất, đúng thẩm quyền, kịp thời, ổn định, có chất lượng, sát thực tế và có khả năng thực thi cao. Đây

mạnh cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, tập trung cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa", để tạo sự chuyển biến đáng kể trong quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức và công dân.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị rõ ràng, rành mạch. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải được quy định cụ thể. Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các sở, ban, ngành, cấp tỉnh, nhất là các ngành, các lĩnh vực trọng yếu, khu công nghiệp, khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, ban quản lý các khu du lịch, bảo đảm cơ cấu chức danh hợp lý, khoa học, tổ chức bộ máy phải gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực hiệu quả, có quy chế hoạt động rõ ràng, rành mạch ở từng khâu, từng bộ phận ứng với các chức danh công chức đang đảm nhiệm, đồng thời phải có quy chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan với nhau để thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế - xã hội.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, vững

vàng về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng hành chính, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, trung thực, khách quan trong thực thi công vụ.

- Tăng cường phân cấp quản lý tài chính và ngân sách, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo và chịu trách nhiệm của ngành, các cấp chính quyền địa phương trong quản lý và điều hành ngân sách, tài chính. Đối mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp và khu vực dịch vụ công, thông qua việc thí điểm tại một số cơ quan, địa phương để nhân rộng trong toàn tỉnh. Thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch về tài chính, ngân sách, các dự án đầu tư.

Về kế hoạch giai đoạn II (2006-2010), tỉnh Quảng Trị cũng đã xây dựng kế hoạch chi tiết, giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng ngành, từng cấp, từng đơn vị theo từng lĩnh vực. Đối với việc cải cách thể chế, điểm nổi bật là tập trung cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" tại Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, Ban quản lý khu công nghiệp và Ban quản lý các khu du lịch.■

Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực công chức cấp xã

(Tiếp theo trang 24)

về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn (Nghị định số 46/CP năm 1993; Nghị định số 50/CP năm 1995 và Nghị định số 09/CP năm 1998). Mặc dù Nghị định 09/CP năm 1998 đã có nhiều tiến bộ hơn so với các Nghị định trước, song quy định mức sinh hoạt phí hàng tháng 220.000 đồng/tháng là quá ít, không bảo đảm đủ sống để đội ngũ này tận tụy với công việc. Bước đầu việc thực hiện Nghị định số 114/2003/NĐ-CP và Nghị định số 121/2003/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đã tạo ra được sự phấn khởi, động lực mới trong chính quyền cơ sở. Công chức cấp xã thấy rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với hệ thống chính trị cơ sở. Bên cạnh đó, vẫn còn một số điểm này sinh cần được quan tâm giải quyết như việc quy

định cán bộ, công chức cấp xã mới chỉ căn cứ theo quy mô dân số, chưa căn cứ ở quy mô diện tích (nhiều xã ở các tỉnh Nam Bộ có diện tích từ 5.000 ha đến 10.000 ha. Vì vậy, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở những xã này cũng cần phải được nghiên cứu cho phù hợp). Hệ số tiền lương còn mang tính bình quân chưa có sự kích thích, chưa gắn với trách nhiệm và hiệu quả với tính chất công việc.

Chế độ chính sách phù hợp, là động lực nhằm khuyến khích đội ngũ công chức cấp xã yên tâm công tác, kích lệ sự phấn đấu của họ trong việc nâng cao trình độ, năng lực, hiệu quả công tác, điều đó góp phần tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển, nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở, tạo sự ổn định về chính trị - kinh tế - xã hội ở địa phương.■